

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ối ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, điều gì khiến các vị Tỳ-khưu trong lúc này lại ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?

2. – Bạch Ngài, trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ối ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

3. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ối ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu loại dược phẩm gì mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?”

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?”

5. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng Ta có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trong lúc này các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ối ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy Ta nên cho phép loại dược phẩm gì cho các Tỳ-khưu, mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?”

6. Nay các Tỳ-khuru, Ta đây đã khởi ý điều này: “Năm loại dục phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dục phẩm tuy được quy định là dục phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khuru được thọ lãnh năm loại dục phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?” Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dục phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời.¹

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru nhận lãnh năm loại dục phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điều ấy, các vị càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

8. Đức Thế Tôn đã nhận thấy các vị Tỳ-khuru ấy càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Nay Ānanda, trong lúc này, điều gì khiến các vị Tỳ-khuru càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa?

9. – Bạch Ngài, lúc này các vị Tỳ-khuru nhận lãnh năm loại dục phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điều ấy, các vị càng trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

10. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dục phẩm này và thọ dụng đúng thời luôn cả phi thời.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dục phẩm là các loại mỡ [thú vật]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ dụng chung với dầu ăn các dục phẩm là các loại mỡ [thú vật] như: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, đã được trộn chung đúng thời. Nay các Tỳ-khuru, nếu vật ấy đã được thọ lãnh phi thời, đã được nấu phi thời, đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm ba tội *Dukkata*. Nay các Tỳ-khuru, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu phi thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm

¹ Trong trường hợp liên quan đến vật thực, đúng thời là trước Ngọ, phi thời là sau Ngọ cho đến rạng đông của ngày kế (ND).

hai tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung đúng thời, vị thọ dụng [vật ấy] vô tội.

12. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các dược phẩm là các rễ cây như: Củ nghệ, củ gừng, rễ cây vacam, rễ cây vaca trắng, rễ cây ngải cứu, rễ cây kaṭukarohiṇī, rễ loại cây có mùi thơm usīra, rễ loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka, hoặc có các dược phẩm là các rễ cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm dạng bột là các loại rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] cối đá xay và cối đá xay loại nhỏ.

14. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại nước sắc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các dược phẩm là các loại nước sắc như: Nước sắc của cây nimba, nước sắc của cây kuṭaja, nước sắc của loại dưa dài paṭola, nước sắc của loại dây leo phaggava, nước sắc của cây nattamāla, hoặc có các dược phẩm là các loại nước sắc khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *Dukkaṭa*.

15. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại lá cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các dược phẩm là các loại lá cây như: Lá cây nimba, lá cây kuṭaja, lá cây của loại dưa dài paṭola, lá cây húng quế, lá cây bông vải, hoặc có các dược phẩm là các loại lá cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *Dukkaṭa*.

16. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các dược phẩm là các loại trái cây như: Trái cây viṇaṅga, hạt tiêu dài, hạt tiêu đen, trái cây harīṭaka, trái cây vibhīṭaka, trái cây āmalaka, trái cây goṭṭha hoặc có các dược phẩm là các loại trái cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các loại nhựa cây làm dược phẩm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các loại nhựa cây làm dược phẩm như: Himṅgu, nhựa cây himṅgu, mủ cây himṅgu, các loại sản phẩm từ mủ cây là taka, takapatti, takapaṇṇi, nhựa thông, hoặc có các dược phẩm là các loại nhựa cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại muối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các dược phẩm là các loại muối như: Muối biển, muối đen, muối ở đá, muối nấu ăn, muối mỏ, hoặc có các dược phẩm là các loại muối khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cơ. Vị thọ dụng khi không có duyên cơ phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức Ānanda là Đại đức Belatṭhisīsa có bệnh ghê sần sùi. Các y của vị ấy bị dính vào thân vì chất máu mủ. Các vị Tỳ-khuru liên tục tắm ướt các y với nước rồi kéo ra.

20. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khuru ấy liên tục tắm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khuru ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ghê sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tắm ướt các y với nước rồi kéo ra.

21. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép các dược phẩm là các loại bột tẩm đến vị có ghê ngứa, hoặc có nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc có ghê sần sùi, hoặc cơ thể có mùi hôi; và phân bò, đất sét, chất màu đã được nấu đến vị không bị bệnh. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] cối giã và chày.

22. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại bột tẩm đã được rây mịn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] cái rây bột tẩm.

Có nhu cầu về hạt rất mịn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] cái rây bằng vải.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh liên quan đến phi nhân. Các vị thầy dạy học và thầy tế độ, trong khi chăm sóc vị ấy đã không thể làm khỏi bệnh. Vị ấy sau khi đi đến lò mổ heo đã ăn thịt sống và đã uống máu tươi. Bệnh liên quan đến phi nhân ấy của vị ấy đã giảm bớt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] thịt sống [và] máu tươi ở bệnh liên quan đến phi nhân.

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh ở mắt. Các Tỳ-khuru đã khiêng vị ấy và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

25. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khuru ấy đang khiêng vị Tỳ-khuru ấy đưa ra bên ngoài, cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khuru ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ở mắt. Chúng con khiêng vị này và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

26. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi: Thuốc bôi màu đen, thuốc bôi loại tinh chất, thuốc bôi vào tai, bột phấn đỏ, muội đèn.

Có nhu cầu về bột mịn để làm thuốc bôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] gỗ đàn hương, gỗ có mùi hương tagara, gỗ trầm, gỗ cây tālisa, loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka.

27. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru để các loại thuốc bôi được nghiền nát ở trong các tô nhỏ và trong các chén. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] hộp chứa thuốc bôi.

28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [hộp chứa thuốc bôi] làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

29. Vào lúc bấy giờ, các hộp chứa thuốc bôi không được đặt lại. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nắp đặt.

Nắp đặt bị rơi xuống.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép buộc [nắp đặt] với sợi chỉ rồi buộc vào hộp chứa thuốc bôi.

Hộp chứa thuốc bôi bị bung ra.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép khâu lại bằng sợi chỉ.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru dùng ngón tay bôi thuốc. Các con mắt bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] que bôi thuốc.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư sử dụng các que bôi thuốc đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên sử dụng các que bôi thuốc đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

32. Vào lúc bấy giờ, que bôi thuốc bị rơi trên mặt đất và trở nên sần sùi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] hộp đựng que bôi thuốc.

33. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru mang theo hộp chứa thuốc bôi và que bôi thuốc bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các hộp chứa thuốc bôi.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

34. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị nóng ở đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [bôi] dầu ở trên đầu.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [thực hiện] việc chữa trị ở mũi.

Mũi bị chảy nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] cái muống đặt ở mũi.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư sử dụng các muống đặt ở mũi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên sử dụng các muống đặt ở mũi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

[Hai lỗ] mũi đã không được nhỏ đồng đều. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] cái muống đặt ở mũi loại kép.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép hít khói.

Các vị sau khi đốt cháy sợi bấc rồi hít khói vào. Cổ họng bị [lửa] đốt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] ống dẫn khói.

36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư sử dụng các ống dẫn khói đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên sử dụng các ống dẫn khói đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

37. Vào lúc bấy giờ, các ống dẫn khói không có nắp đậy, các sinh vật nhỏ đi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

38. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru mang theo các ống dẫn khói bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các ống dẫn khói.

Chúng bị cọ xát với nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] túi đôi.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

39. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị bệnh gió. Các thầy thuốc đã nói như vậy: “Dầu cần được nấu.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép việc nấu dầu.

Rượu mạnh cần được thêm vào trong dầu nấu ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thêm rượu mạnh vào trong dầu nấu.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư nấu các loại dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Các vị uống các thứ ấy và bị say. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên uống dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh; vị nào uống thì nên được hành xử theo pháp.² Nay các Tỳ-khuru, trong loại dầu nấu nào [đã được thêm vào rượu mạnh] mà màu sắc, mùi và vị của rượu mạnh không nhận ra được, Ta cho phép uống dầu được thêm vào rượu mạnh loại như thế.

41. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru có nhiều dầu nấu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru đã khởi ý điều này: “Nên thực hành như thế nào với các thứ dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép xác định làm thuốc thoa.

42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có nhiều dầu đã được nấu. Đồ chứa dầu không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép ba loại bình chứa: Bình chứa bằng đồng, bình chứa bằng gỗ, bình chứa làm bằng trái cây.

43. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị phong thấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép việc điều trị bằng hơi nóng.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] hơi nóng của nhiều loại lá cây.” [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nhiều hơi nóng.” [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nước nấu của nhiều loại lá cây [rắc lên thân].” [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] bể nước lớn [để ngâm mình].

44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị thấp khớp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép trích máu.

² Liên quan đến tội *Pācittiya* 51 (ND).

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép trích máu rồi lấy ra bằng ống sừng.

45. Vào lúc bấy giờ, các bàn chân của Đại đức Pilindivaccha bị nứt nẻ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi bàn chân.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt).

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép áp dụng phương pháp phòng ngừa.

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị mụn nhọt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép việc mổ xẻ.

Có nhu cầu về nước làm đông máu. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nước làm đông máu.” Có nhu cầu về thuốc cao làm từ mè. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao làm từ mè.” Có nhu cầu về vải cầm máu. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] vải cầm máu.” Có nhu cầu về vải băng vết thương. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] vải băng vết thương.” Vết thương gây ngứa. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép rắc lên với bột mù-tạt.” Vết thương bị làm mủ. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép thực hiện việc xông khói.” Thịt ở vết thương bị lồi lên [như cây gai]. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép cắt bằng mảnh sứ tẩm muối.” Vết thương không liền lại. ...(nt)... “Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] dầu xức vết thương.” Dầu bị chảy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] băng vải và tất cả các cách chữa trị vết thương.

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép bỏ thí bốn loại vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét.

Khi ấy, các vị Tỳ-khuru đã khởi ý điều này: “[Bốn vật này] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ lãnh nếu có người làm thành được phép, nếu không có người làm thành được phép thì tự mình thu nhặt và thọ dụng.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị uống nhầm thuốc độc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống phân.

Khi ấy, các vị Tỳ-khuru khởi ý điều này: “[Phân] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép vị ấy thọ lãnh trong khi làm ra vật ấy [trong khi đại tiện], khi việc thọ lãnh ấy đã được thực hiện, không cần phải bảo thọ lãnh lại lần nữa.

49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh yểm bùa [bệnh gây ra bởi do người vợ]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước bùn lấy từ đất dính ở lưỡi cày vừa mới cày đất lên.

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh trĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước tro của cơm khô.

51. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh vàng da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống [hộp chất] nước tiểu và trái harīṭaka.

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh ngoài da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] mỡ có mùi thơm.

53. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ có cơ thể bị tiết ra dịch chất dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống thuốc xổ.

Có nhu cầu về nước cháo trắng. ...(nt)... “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nước cháo trắng.” Có nhu cầu về nước đậu mugga chưa lọc bỏ xác. ...(nt)... “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu mugga chưa lọc bỏ xác.” Có nhu cầu về nước đậu mugga đã lọc bỏ xác. ...(nt)... “Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu mugga đã lọc bỏ xác.” Có nhu cầu về nước luộc thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [sử dụng] nước luộc thịt.

54. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi ở thành Rājagaha. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy?

– Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi.

– Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?

– Tâu Đại vương, người giúp việc tu viện chưa được cho phép bởi đức Thế Tôn.

– Thừa ngài, chính vì việc đó, ngài hãy hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho trẫm biết.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

55. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

56. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]:

– Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như thế nào?

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép người giúp việc tu viện.

57. Đến lần thứ nhì, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thừa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không?

– Tâu Đại vương, đã được rồi.

– Thừa ngài, như vậy thì trẫm sẽ ban cho ngài người giúp việc tu viện.

58. Sau đó, khi đã hứa với Đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Một thời gian sau, khi đã phục hồi lại ký ức, đức vua đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trẫm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa?

– Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức.

– Này khanh, tính đến nay là đã bao lâu rồi?

Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm.

– Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi vị quan đại thần ấy đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha và dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi ngôi làng ấy là “ngôi làng của những người giúp việc tu viện.” Họ cũng đã gọi ngôi làng ấy là “ngôi làng Pilindi.”

59. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay tới lui trong ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khát thực.

60. Vào lúc bảy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ nhỏ được trang điểm, đeo vòng hoa và chơi đùa. Khi ấy, trong khi đi khát thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

61. Vào lúc bảy giờ, đứa bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ấy nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc:

– Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vì sao đứa bé gái này khóc vậy?

– Thưa ngài, đứa bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên òa khóc: “Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.” Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức?

62. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nhặt lấy một nắm cỏ nọ rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vậy hãy đội nắm cỏ này lên đầu đứa bé gái kia đi.

Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy nắm cỏ ấy rồi đội lên đầu đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng ròng, đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rằng:

– Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của Bệ hạ cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho lệnh bắt giữ gia đình người giúp việc tu viện ấy.

63. Đến lần thứ nhì, vào buổi sáng Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khát thực. Trong khi đi khát thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng:

– Gia đình người giúp việc tu viện này đã đi đâu?

– Thưa ngài, bọn họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa bằng vàng ròng ấy.

64. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đức vua đã ngồi xuống một bên, Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Đại vương, vì sao gia đình người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ?

– Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ấy có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của trăm cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

65. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: “Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là vàng ròng”; cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng ròng.

– Tâu Đại vương, do đâu Bệ hạ lại có nhiều vàng ròng đến thế này?

– Thưa ngài, trăm đã hiểu rồi. Việc này là năng lực thần thông của ngài Đại đức.

Rồi [đức vua] đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy. Dân chúng [đồn rằng]: “Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân trước triều thần có cả đức vua nữa!” nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là “bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía.”

66. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành người thọ lãnh năm loại dược phẩm. Đại đức phân phát cho hội chúng vật đã được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dả. Họ chứa đầy vật đã được thọ lãnh vào các hũ và các chum rồi cất đi. Họ chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các dược phẩm ấy đã bị rỉ xuống chảy ra và vẫn còn y nguyên. Các trú xá đã có các con chuột xuất hiện rải rác rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha vậy.”

67. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, các loại được phẩm thích hợp cho các Tỳ-khuru bị bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, sau khi thọ lãnh chúng nên thọ dụng trong thời hạn tích trữ tối đa là bảy ngày; nếu vượt quá thời hạn ấy thì nên được hành xử theo pháp.³

Tụng phẩm về “Được phẩm đã được cho phép” là phần thứ nhất.

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvattthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha.

2. Trên đường đi, Đại đức Kaṅkhārevata⁴ đã nhìn thấy lò nấu đường và đã bước xuống. Sau khi nhìn thấy [những người thợ] bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, vị ấy [nghĩ rằng]: “Mật đường trộn với vật thực là không được phép, [vì thế] đường không được thọ dụng lúc phi thời”, trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đường. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, vì mục đích gì mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường vậy?

– Bạch Thế Tôn, vì mục đích kết tinh.

– Nay các Tỳ-khuru, nếu vì mục đích kết tinh mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, [hỗn hợp] ấy kết thành khối vẫn gọi là “đường” vậy. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ dụng đường một cách thoải mái.

3. Trên đường đi, Đại đức Kaṅkhārevata đã nhìn thấy cây đậu mugga⁵ sinh trưởng ở bãi phân. Sau khi nhìn thấy, vị ấy [nghĩ rằng]: “Các hạt đậu mugga là không được phép, dầu cho đã được nấu chín, các hạt đậu mugga vẫn sinh trưởng” trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đậu mugga. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đậu mugga. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, dầu cho đã được nấu chín, đậu mugga vẫn sinh trưởng. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ dụng đậu mugga một cách thoải mái.

³ Liên quan đến tội *Nissaggiya Pācittiya* 23 (ND).

⁴ Kaṅkhārevata. “Kaṅkhā” có nghĩa là sự hoài nghi, sự nghi ngờ, sự không chắc chắn. Dựa vào nội dung, có thể suy luận rằng đây là biệt hiệu của vị Tỳ-khuru tên Revata; như thế, tên vị ấy có thể dịch là “Revata đa nghi” (ND).

⁵ Đậu mugga: Không rõ loại đậu này là loại đậu gì? Ngài Buddhaghosa giải thích: “Chính vì đã được nấu chín nên chúng vẫn được phép” (*VinA*. V. 1092). Chúng tôi không nghĩ ra được loại hạt gì đã được nấu chín, đã được ăn vào, và trải qua quá trình tiêu hóa rồi được thải ra theo đường phân mà vẫn có thể nảy mầm và mọc thành cây.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh đau bụng bão. Vị ấy đã húp cháo chua có muối. Bệnh đau bụng bão ấy của vị ấy đã được thuyên giảm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng cháo chua có muối đối với vị bị bệnh, đối với vị không bệnh thì đã được pha trộn với nước như là thức uống.

5. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bị bệnh đau bụng bão.

6. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: “Trước đây, bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn được dịu đi nhờ cháo gồm có ba thứ” nên đã đích thân đi xin mè, gạo lức và đậu mugga rồi tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đích thân nấu ở bên trong và đã đem đến dâng lên đức Thế Tôn: “Xin Thế Tôn hãy húp cháo gồm có ba thứ.”

7. Các đáng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đáng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đáng Như Lai có cách đề cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu vì hai lý do: “Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Nay Ānanda, cháo này từ đâu vậy?

9. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Nay Ānanda, vì sao ngươi lại nghĩ đến việc đa đoan như thế này? Nay Ānanda, vật đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên] là không được phép, vật đã được nấu ở bên trong là không được phép, vật đã được tự mình nấu là không được phép. Nay Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Nay các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Nay các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm ba tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài [khuôn viên], đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khưu, nếu

thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được tự mình nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì vô tội.

10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru [nghĩ rằng]: “Việc tự mình nấu đã được đức Thế Tôn cấm đoán” nên đã ngần ngại trong việc nấu lại lần nữa [hâm nóng thức ăn]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép nấu [lại] vật thực đã được nấu.

11. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha bị khó khăn về vật thực. Dân chúng đã đem đến tu viện muối, dầu ăn, gạo lúc và vật thực cứng. Các vị Tỳ-khuru đã tích trữ các thức ấy ở bên ngoài. Các con thú hoang ăn mất đi, những kẻ trộm lấy đi, những người chuyên ăn vật thực thừa mang đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép tích trữ ở bên trong.

Sau khi tích trữ ở bên trong, các vị cho nấu ở bên ngoài. Những người chuyên ăn vật thực thừa vây quanh. Các vị Tỳ-khuru thọ dụng không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép nấu ở bên trong.

Trong thời gian khó khăn về vật thực, người làm thành được phép [các món vật thực] đã mang đi các phần nhiều hơn và dâng cho các vị Tỳ-khuru phần ít hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép tự mình nấu. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu.

12. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khuru đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāśi đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, các vị đã không được đầy đủ theo nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng. Và đã có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm [cho trái cây ấy] thành được phép. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy với vóc dáng mệt mỏi đã đi đến Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

13. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nỗ lực đối với các Tỳ-khuru đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và nay các Tỳ-khuru, các người từ đâu đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Bạch Ngài, trường hợp chúng con khi đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi và đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, chúng con đã không đạt được sự đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng, và có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm thành được phép; vì thế, chúng con đã đi đường xa đến với vóc dáng mệt mỏi.

14. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép ở nơi nào thấy trái cây có thể ăn được và không có người làm thành được phép thì tự mình nhặt lấy, mang đi, đến khi gặp được người làm thành được phép thì đặt [trái cây] trên mặt đất, bảo [người ấy] trao lại, rồi thọ dụng. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên.

15. Vào lúc bảy giờ, có người Bà-la-môn nọ thâm hoạch mè mới và mật đường mới. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên dâng mè mới và mật đường mới đến hội chúng có đức Phật đứng đầu?” Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khuru.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi.

16. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: “Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người Bà-la-môn ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

17. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người Bà-la-môn ấy bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

18. Sau đó, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: “Hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu đã được ta thỉnh mời vì

mục đích của những thứ này: ‘Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới’, nhưng ta đã quên dâng chúng rồi. Hay là ta sẽ cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện vậy?’”

19. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu đã được tôi thỉnh mời vì mục đích của những thứ này: “Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới”, nhưng tôi đã quên dâng chúng. Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh mè mới và mật đường mới của tôi.

– Này Bà-la-môn, như vậy thì người hãy dâng đến các vị Tỳ-khuru đi.

20. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khuru nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép vị đã ăn xong, khi được yêu cầu thì được thọ dụng vật không phải còn thừa và đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong.

21. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khuru Upananda, con trai dòng Sakya đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng [dẫn dò] rằng: “Nên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.”

22. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi vào làng để khát thực.

23. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị Tỳ-khuru rằng:

– Thưa các ngài, ngài Đại đức Upananda ở đâu vậy?

– Này các đạo hữu, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này đã đi vào làng để khát thực.

– Thưa các ngài, vật thực loại cứng này nên được trình cho ngài Đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, như vậy thì sau khi thọ lãnh, các người hãy để riêng ra đến khi Upananda trở về.

24. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn rồi về lại trong ngày.

25. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khuru nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được thọ lãnh trước bữa ăn.

26. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvattthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvattthi. Tại nơi đó, ở Sāvattthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

27. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bị bệnh sốt toàn thân.

28. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāriputta điều này:

– Này Đại đức Sāriputta, trước đây bệnh sốt toàn thân của Đại đức được dịu đi nhờ vào thứ gì?

– Này Đại đức, tôi nhờ vào các củ sen và các cọng sen.

29. Sau đó, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra; tương tự như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

30. Có con long tượng nọ đã nhìn thấy Đại đức Mahāmoggallāna từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahāmoggallāna hãy đến. Thưa ngài, xin hoan nghênh ngài Đại đức Mahāmoggallāna. Thưa ngài, ngài Đại đức có nhu cầu gì? Tôi sẽ dâng vật gì?

– Này đạo hữu, ta có nhu cầu về các củ sen và các cọng sen.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã ra lệnh cho con long tượng khác rằng: “Này bạn, như vậy bạn hãy dâng đến ngài Đại đức các củ sen và các cọng sen theo như nhu cầu.” Sau đó, con long tượng ấy đã lội xuống hồ sen Mandākinī, dùng vòi nhỏ củ sen và cọng sen rồi rửa sạch sẽ, sau khi rửa xong đã buộc lại thành bó rồi đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna.

32. Khi ấy, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra; tương tự như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī rồi hiện ra ở Jetavana.

33. Con long tượng ấy cũng đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī và hiện ra ở Jetavana. Khi ấy, con long tượng ấy sau khi đã dâng đến Đại đức Mahāmoggallāna các củ sen và các cọng sen rồi, đã biến mất tại Jetavana và hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

34. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đem lại các củ sen và các cọng sen cho Đại đức Sāriputta. Khi ấy, vào lúc Đại đức Sāriputta đã thọ dụng các củ

sen và các cộng sen, bệnh sốt toàn thân đã được thuyên giảm. Nhiều củ sen và cộng sen còn thừa lại.

35. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khuru nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngăn ngại không thọ lãnh.

– Nay các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được mọc ở rừng [hoặc] đã được mọc ở hồ nước.

36. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvattthi được phát sanh nhiều trái cây có thể ăn được. Và người làm [cho trái cây ấy] thành được phép là không có. Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngăn ngại không thọ dụng trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép thọ dụng trái cây không có hột, hoặc không còn hột, [cho dù] chưa được làm trở thành đúng phép.

37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvattthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāśagotta thực hiện công việc mổ xẻ. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khuru nọ. Thầy thuốc Ākāśagotta đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài Gotama, xin hãy lại đây. Xin hãy nhìn xem hậu môn của vị Tỳ-khuru này, giống như là miệng của con kỳ nhông vậy.”

39. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: “Kẻ rồ dại này [muôn] đùa cợt Ta!” rồi từ chính nơi ấy, đã quay trở về, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại và đã hỏi các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, có phải trong trú xá kia có vị Tỳ-khuru bị bệnh?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

– Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru ấy bị bệnh gì?

– Bạch Ngài, Đại đức ấy bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāśagotta thực hiện công việc mổ xẻ.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Nay các Tỳ-khuru, vì sao kẻ rồ dại ấy lại cho người thực hiện công việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]? Nay các Tỳ-khuru, da ở chỗ kín thì mỏng, vết thương khó liền da, đau khó điều khiển. Nay các Tỳ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *Thullaccaya*.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cấm đoán việc mổ xẻ” nên đã cho người thực hiện việc bơm thụt. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư lại cho người thực hiện việc bơm thụt?” Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

41. – Này các Tỳ-khuru, nghe nói các Tỳ-khuru nhóm Lục Sư cho người thực hiện việc bơm thụt, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ hoặc việc bơm thụt xung quanh chỗ kín [của cơ thể] hai lông tay; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *Thullaccaya*.

42. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngụ đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó, trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngụ tại Isipatana, ở vườn Nai.

43. Vào lúc bấy giờ, trong thành Bārāṇasī có nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā. Cả hai đều mộ đạo, là thí chủ, là người phục vụ, là người hộ độ hội chúng. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đi đến tu viện rồi đi từ trú xá này đến trú xá khác, từ phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khuru rằng:

– Thưa các ngài, vị nào bị bệnh? Vật gì cần được mang lại? Cho vị nào?

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ đã uống thuốc xổ. Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Này chị gái, tôi đã uống thuốc xổ. Tôi có nhu cầu về nước luộc thịt.

– Thưa ngài, tốt lắm. [Nước luộc thịt] sẽ được mang lại.

Sau khi về nhà, nàng đã bảo người giúp việc rằng:

– Này chú em, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Rồi người đàn ông ấy nghe theo nữ cư sĩ Suppiyā, trong khi đi rao khắp cả thành Bārāṇasī vẫn không thấy loại thịt đã được làm sẵn. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Thưa cô chủ, không có thịt đã được làm sẵn. Hôm nay là ngày kiêng sát sanh.

45. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã khởi ý điều này: “Vị Tỳ-khuru bị bệnh ấy mà không có được nước luộc thịt thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ chết. Đối với

ta, việc ta đã hứa mà không cho người đem lại là việc không thích đáng”, nên đã cầm lấy con dao găm cắt lia miếng thịt ở đùi rồi trao cho người tớ gái [nói rằng]: “Này em, sau khi chuẩn bị miếng thịt này, ở trú xá kia có vị Tỳ-khưu bị bệnh, hãy dâng đến vị ấy. Và ai hỏi ta thì hãy báo cho biết là ‘cô chủ bị bệnh.’” Rồi nàng đã lấy thượng y quấn quanh đùi, đi vào phòng trong và nằm xuống trên giường.

46. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã trở về nhà và hỏi người tớ gái rằng:

– Suppiyā đâu rồi?

– Thừa ông chủ, bà nằm ở phòng trong.

Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Vì sao nàng lại nằm vậy?

– Thiếp bị bệnh.

– Nàng bị bệnh gì vậy?

Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã kể lại sự việc ấy cho nam cư sĩ Suppiya.

47. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya [nghĩ rằng]: “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Nàng Suppiyā này có niềm tin, mộ đạo đến thế. Bởi vì ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được dứt bỏ, thì đối với nàng còn có vật gì khác nữa sẽ là không thể bỏ thí?” rồi đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

48. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Suppiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh và ra đi.

49. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nam cư sĩ Suppiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của nam cư sĩ Suppiya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

50. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi nam cư sĩ Suppiya đã đứng một bên, đức Thế Tôn đã nói với nam cư sĩ Suppiya điều này:

– Suppiyā đâu rồi?

– Bạch Thế Tôn, nàng bị bệnh.

- Như vậy thì [nàng] hãy đi đến.
- Bạch Thế Tôn, nàng không đủ sức.
- Như vậy thì hãy ẩm rồi đưa [nàng] lại.

Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã ẩm và đưa nữ cư sĩ Suppiyā lại. Đối với nàng, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc.

51. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā [nghĩ rằng]: “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì ở đây, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc” nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hải lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, họ đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, tạo niềm phấn khởi cho nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

52. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại và đã hỏi các vị Tỳ-khuru rằng:

- Này các Tỳ-khuru, vị nào đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt?
- Khi được nói như thế, vị Tỳ-khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:
- Bạch Ngài, chính con đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt.
 - Này Tỳ-khuru, có phải [thịt] đã được đem đến?
 - Bạch Thế Tôn, [thịt] đã được đem đến.
 - Này Tỳ-khuru, có phải người đã thọ dụng?
 - Bạch Thế Tôn, con đã thọ dụng.
 - Này Tỳ-khuru, thế người có suy xét [là thịt gì] hay không?
 - Bạch Thế Tôn, con đã không suy xét [là thịt gì].

53. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

– Này kẻ rồ dại, vì sao người chưa suy xét mà lại thọ dụng thịt? Này kẻ rồ dại, người đã thọ dụng thịt người. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, có những người có niềm tin, mộ đạo, ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được những người này dứt bỏ. Này các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt người; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Thullaccaya*. Và này các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt khi chưa suy xét; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

54. Vào lúc bấy giờ, các con voi của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt voi. Họ bỏ thí thịt voi đến các vị Tỳ-khuru

đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru thọ dụng thịt voi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt voi? Các con voi là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt voi; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

55. Vào lúc bấy giờ, các con ngựa của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt ngựa. Họ bố thí thịt ngựa đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru thọ dụng thịt ngựa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt ngựa? Các con ngựa là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt ngựa; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

56. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt chó. Họ bố thí thịt chó đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru thọ dụng thịt chó. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt chó? Loài chó thì ghê tởm và đáng ghét.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt chó; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

57. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt rắn. Họ bố thí thịt rắn đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru thọ dụng thịt rắn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt rắn? Loài rắn thì ghê tởm và đáng ghét.”

58. Vua của loài rắn là Suphassa cũng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Suphassa vua của loài rắn đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những loài rắn không có đức tin, không có lòng ngưỡng mộ, chúng có thể hãm hại các vị Tỳ-khuru dầu là việc không đáng. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay các ngài Đại đức chó nên thọ dụng thịt rắn.

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suphassa, vua của loài rắn bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suphassa, vua của loài rắn đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

60. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lí do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt rắn; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

61. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con sư tử rồi ăn thịt sư tử. Họ bố thí thịt sư tử đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru sau khi thọ dụng thịt sư tử rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con sư tử vỗ lấy các vị Tỳ-khuru bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt sư tử; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

62. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con hổ rồi ăn thịt hổ. Họ bố thí thịt hổ đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru sau khi thọ dụng thịt hổ rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con hổ vỗ lấy các vị Tỳ-khuru bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt hổ; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

63. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con beo rồi ăn thịt beo. Họ bố thí thịt beo đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru sau khi thọ dụng thịt beo rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con beo vỗ lấy các vị Tỳ-khuru bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt beo; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

64. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con gấu rồi ăn thịt gấu. Họ bố thí thịt gấu đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru sau khi thọ dụng thịt gấu rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con gấu vỗ lấy các vị Tỳ-khuru bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt gấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

65. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con chó sói rồi ăn thịt chó sói. Họ bố thí thịt chó sói đến các vị Tỳ-khuru đang đi khát thực. Các vị Tỳ-khuru sau khi thọ dụng thịt chó sói rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con chó sói vỗ lấy các vị Tỳ-khuru bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng thịt chó sói; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Tụng phẩm Suppiya là phần thứ nhì.

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Andhakavinda cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru.

2. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi lần lượt nối đuôi theo sau

hội chúng Tỳ-khuru, có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: “Khi nào chúng tôi đến phiên, khi ấy chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn” và số lượng người ăn thức ăn còn thừa là năm trăm người.

3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Andhakavinda. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: “Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khuru có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: ‘Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn’ và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?” Sau đó, người Bà-la-môn ấy trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là cháo và mật viên.

4. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: “Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khuru có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?” Thưa ngài Ānanda, trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là cháo và mật viên. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng cháo và mật viên thì Ngài Gotama có thọ nhận của tôi hay không?

– Nay ông Bà-la-môn, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

– Nay Ānanda, như vậy thì bảo ông ta hãy chuẩn bị sẵn sàng.

– Nay ông Bà-la-môn, như vậy thì ông hãy chuẩn bị sẵn sàng.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều cháo và mật viên, rồi đem dâng đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh cháo và mật viên của tôi.

– Nay Bà-la-môn, như thế thì hãy dâng đến các vị Tỳ-khuru.

Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Nay các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh, hãy thọ dụng.

6. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với nhiều cháo và mật viên. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: “Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo. Mười điều ấy là gì? Trong khi bổ thí cháo, [người ấy] bổ thí tuổi thọ, bổ thí sắc đẹp, bổ thí sự an lạc, bổ thí sức mạnh, bổ thí sự

sáng suốt, những người đã húp cháo dứt hẳn cơn đói, chặn đứng cơn khát, điều hòa gió, làm sạch bằng quang và làm tiêu hóa phần [vật thực] còn lại chưa tiêu. Nay Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo.

7. Người nào bố thí cháo một cách trân trọng và hợp thời đến các vị đã được thu thúc, [sống nhờ] vật thực được bố thí bởi những kẻ khác, [người ấy] cho đến vị này mười điều lợi ích là tuổi thọ và sắc đẹp, sự an vui và sức mạnh.

8. Nhờ đó, sự sáng suốt được sanh khởi cho vị này, khiến xua đi cơn đói, cơn khát, [điều hòa] gió, làm trong sạch bằng quang, làm tiêu hóa vật đã được ăn vào. Dược phẩm này đã được ngợi khen bởi đấng Thiện Thệ.

9. Chính vì điều ấy, người tầm cầu sự an vui đang ước nguyện về các sự an lạc thuộc cõi trời, hoặc đang ước muốn về sự phồn vinh của nhân loại nên thường xuyên bố thí cháo thật đầy đủ.”

10. Khi ấy, sau khi nói lời tùy hỷ đến người Bà-la-môn ấy bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cháo và mật viên.”

11. Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn cho phép cháo và mật viên đến các Tỳ-khưu.” Vào buổi sáng sớm, họ đã chuẩn bị sẵn sàng cháo đặc và mật viên. Các Tỳ-khưu vào buổi sáng sớm được thỏa mãn với cháo đặc và mật viên nên không thọ thực được như ý ở chỗ thọ thực.

12. Vào lúc bấy giờ, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, đã được vị quan đại thần nọ mới có đức tin thỉnh mời vào ngày hôm sau. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên chuẩn bị sẵn sàng một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt cho một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu, rồi sẽ dâng đến cứ mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thịt?” Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: “Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của vị quan đại thần mới có đức tin ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

13. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phục vụ các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu đã nói như vậy:

– Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi.

– Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít thôi [vì nghĩ rằng]: “Vị quan đại thần này mới có đức tin.” Tôi đã chuẩn bị nhiều vật thực loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, tôi sẽ dâng đến mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thịt. Thưa các ngài, xin hãy thọ lãnh theo như ước muốn.

– Nay đạo hữu, không phải vì lý do ấy mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít; tuy nhiên vào sáng sớm, chúng tôi đã được bồi bổ với cháo đặc và mật viên rồi, cho nên chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít.

14. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Đại đức đã được tôi thỉnh mời lại thọ dụng cháo đặc của người khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?” Rồi trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lãng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khuru [nói rằng]: “Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.”

15. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên. Khi vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị quan đại thần mới có đức tin ấy bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

16. Khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi lên nổi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: “Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lãng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khuru [nói rằng]: ‘Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.’ Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?”

17. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, con đã khởi lên nổi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: ‘Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lãng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khuru [nói rằng]: Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi. Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?’ Bạch Ngài, con đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?”

– Nay đạo hữu, kể từ lúc người thỉnh mời hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu cho ngày hôm sau, từ lúc ấy người đã tạo ra được nhiều phước báu. Kể từ lúc mỗi một miếng cơm của người được mỗi một vị Tỳ-khuru thọ lãnh, từ lúc ấy người đã tạo ra được nhiều phước báu. Các cõi trời đã được thành tựu cho người rồi.

18. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy [nghĩ rằng]: “Nghe nói ta có được điều lợi ích! Nghe nói ta đã đạt được điều tốt! Nghe nói ta đã tạo ra được nhiều phước báu! Nghe nói các cõi trời đã được thành tựu cho ta!” nên mừng rỡ, phấn chấn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khuru lại và đã hỏi các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói các Tỳ-khuru thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác? Nay các Tỳ-khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.⁶

19. Sau đó, khi đã ngự tại Andhakavinda theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru.

20. Vào lúc bấy giờ, Belaṭṭha Kaccāna đang đi đường xa từ thành Rājagaha đến Andhakavinda cùng với năm trăm xe hàng, toàn bộ đều chất đầy các hũ mật đường. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Belaṭṭha Kaccāna từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường lộ và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

21. Sau đó, Belaṭṭha Kaccāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con muốn dâng đến mỗi một vị Tỳ-khuru một hũ mật đường.

– Nay Kaccāna, như vậy thì người hãy mang lại chỉ một hũ mật đường thôi.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chỉ một hũ mật đường rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hũ mật đường đã được mang lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Nay Kaccāna, như thế thì người hãy dâng mật đường đến các vị Tỳ-khuru.

– Bạch Ngài, xin vâng.

⁶ Liên quan đến tội *Pācittiya* 33.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khuru rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khuru và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì người hãy dâng mật đường đến các vị Tỳ-khuru theo như ước muốn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khuru theo như ước muốn rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khuru theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì người hãy làm cho các vị Tỳ-khuru được thỏa mãn với nhiều mật đường.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho các vị Tỳ-khuru được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số các vị Tỳ-khuru đã chứa đầy các bình bát, đã chứa đầy các túi lọc nước và luôn cả các túi xách.

22. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho các vị Tỳ-khuru được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các vị Tỳ-khuru đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì người hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn vật thực còn thừa và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì người hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa theo như ước muốn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì người hãy làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số người ăn thức ăn còn thừa đã chứa đầy các lọ, các bình, đã chứa đầy các giỏ và dùng luôn cả phần y ở phía trước [đã được buộc lại].

23. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, những người ăn thức ăn còn thừa đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, Ta không thấy người nào trong thế gian tính luôn cỗi của chư Thiên, cỗi Ma vương, cỗi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người mà đường này khi được người ấy ăn vào có thể đem lại sự tiêu hóa tốt đẹp, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Này Kaccāna, chính vì điều ấy, người hãy đổ bỏ đường ấy ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã đổ mật đường ấy xuống nước không có sinh vật. Khi ấy, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói. Cũng giống như lưỡi cày đã được nung đỏ trợn ngày, khi được bỏ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói; tương tự như thế, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói.

24. Khi ấy, Belaṭṭha Kaccāna trở nên hoảng hốt, lông dựng đứng lên, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Belaṭṭha Kaccāna đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Belaṭṭha Kaccāna. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Belaṭṭha Kaccāna có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khô, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Belaṭṭha Kaccāna: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

25. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã

thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Belatṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: ‘Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng’; tương tự như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khuru. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

26. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, mật đường được dồi dào. Các Tỳ-khuru [nghĩ rằng]: “Mật đường đã được đức Thế Tôn cho phép đến chính vị bị bệnh, không cho đối với vị không bị bệnh”, trong lúc ngần ngại, không thọ dụng mật đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép mật đường đối với vị bị bệnh và nước [cô pha] mật đường đối với vị không bị bệnh.

27. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Pāṭaligāma⁷ cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma.” Sau đó, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời [trú tại] nhà nghỉ trọ cùng với hội chúng Tỳ-khuru.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

28. Khi ấy, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã trải thảm toàn bộ nhà nghỉ trọ với thảm trải, cho sắp đặt các chỗ ngồi, cho bố trí lu nước, thắp sáng cây đèn dầu, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nhà nghỉ trọ đã trải thảm toàn bộ với thảm trải, các chỗ ngồi đã được cho sắp đặt, lu nước đã được cho bố trí, cây đèn dầu đã được thắp sáng.

⁷ Pāṭaligāma là một làng (gāma) thuộc xứ Magadha, nay là thành phố Patna, Ấn Độ (ND).

Bạch Ngài, bây giờ là thời điểm của việc gì xin đức Thế Tôn hãy suy tính về việc ấy.

Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi cùng với đại chúng Tỳ-khưu đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã rửa sạch hai bàn chân rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ cột nhà ở chính giữa, mặt nhìn về hướng Đông. Hội chúng Tỳ-khưu cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Tây, mặt nhìn về hướng Đông và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Đông, mặt nhìn về hướng Tây và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma rằng:

– Nay các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Năm điều ấy là gì? Nay các cư sĩ, ở đây, kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới gánh chịu sự mất mát lớn về tài sản do nguyên nhân xao lãng. Đây là điều tai hại thứ nhất của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn xấu xa của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới lan rộng. Đây là điều tai hại thứ nhì của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, kẻ ấy đi vào thiếu sự tự chủ và trở nên bối rối. Đây là điều tai hại thứ ba của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới bị mê muội khi từ trần. Đây là điều tai hại thứ tư của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn bất hạnh, cõi khô, nơi trừng phạt, địa ngục. Đây là điều tai hại thứ năm của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Nay các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

30. Nay các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Năm điều ấy là gì? Nay các cư sĩ, người giữ giới có sự thành tựu về giới thành tựu số lượng lớn về tài sản do nguyên nhân không xao lãng. Đây là điều lợi ích thứ nhất của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn tốt đẹp của người giữ giới có sự thành tựu về giới lan rộng. Đây là điều lợi ích thứ nhì của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, người ấy đi vào có sự tự chủ và không có bối rối. Đây là điều lợi ích thứ ba của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới không bị mê muội khi từ trần. Đây là điều

lợi ích thứ tư của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Nay các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn an vui, cõi trời, cõi người. Đây là điều lợi ích thứ năm của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Nay các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

31. Sau đó, khi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài pháp thoại đến tận đêm khuya, đức Thế Tôn đã giải tán [bảo rằng]:

– Nay các cư sĩ, đêm đã khuya. Bây giờ là thời điểm của việc gì thì các người hãy suy tính về việc ấy.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma nghe theo đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi. Sau đó, khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma ra đi không lâu, đức Thế Tôn đã đi vào ngôi nhà trống vắng.

32. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt xa loài người, đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự.

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Nay Ānanda, những ai là người cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma vậy?

– Bạch Ngài, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji.

– Nay Ānanda, cũng giống như là đã thỉnh ý với chư thiên ở cõi Tāvātimsa, nay Ānanda, tương tự như thế, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Nay Ānanda, ở đây, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trên loài người, Ta đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở trong Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực

kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Nay Ānanda, cho đến tận lãnh thổ của những người Ariyan và đến tận con đường của những nhà thương buôn, Pāṭaliputta này sẽ trở thành thành phố hàng đầu, là nơi bốc dỡ các loại hàng hóa. Nay Ānanda, thành Pāṭaliputta sẽ xảy ra ba tai họa hoặc do lửa, hoặc do nước, hoặc do sự chia hai từ trong nội bộ.

34. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Xin Ngài Gotama hãy nhận lời chúng tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha sau khi hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã ra đi.

35. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: “Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nơi phân phối thức ăn của Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

36. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, hai vị quan đại thần đã ngồi xuống một bên. Khi Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến hai vị quan đại thần bằng những lời kệ này:

37. “Ở tại khu vực nào, chỗ trú ngụ được sắp đặt cho các bậc có bản chất sáng suốt, tại nơi ấy, sau khi dâng thức ăn đến các vị có giới thu thúc, hành Phạm hạnh.

38. Nên tỏ sự kính trọng đến chư thiên đã ngụ ở nơi ấy. Chư thiên ấy, được cúng dường, sẽ cúng dường người ấy, được tôn kính, sẽ tôn kính người ấy.

39. Do đó, chư thiên thương mến người ấy, như người mẹ thương xót đứa con trai ruột thịt. Được chư thiên thương mến, người ấy sẽ luôn luôn gặp được các điều tốt lành.”

40. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Vào lúc bảy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi theo phía sau đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: “Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy sẽ có tên là cửa thành

Gotama, và băng qua sông Gaṅgā bằng bến tàu nào thì bến tàu ấy sẽ có tên là bến tàu Gotama.” Sau đó, cửa thành nào mà đức Thế Tôn đã đi ra, cửa thành ấy đã có tên là cửa thành Gotama. Rồi đức Thế Tôn đã đi đến sông Gaṅgā. Vào lúc bấy giờ, sông Gaṅgā luôn tràn đầy, mấp mé bờ khiến chim quạ có thể uống nước. Dân chúng, một số đi kiếm thuyền, một số đi kiếm xuồng, một số buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia.

41. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những người ấy, một số đang đi kiếm thuyền, một số đang đi kiếm xuồng, một số đang buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia. Sau khi nhìn thấy, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra; tương tự như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại bờ bên này của sông Gaṅgā và hiện ra đứng ở bờ bên kia cùng với hội chúng Tỳ-khuru. Sau đó, khi đã biết sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

42. – Những người băng qua biển cả ao hồ, sau khi xây dựng cây cầu vượt qua các hồ nhỏ. [Trong khi] người còn đang buộc chiếc bè nhỏ thì các bậc trí đã vượt qua [bờ kia].

43. Sau đó, đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại Koṭigāma. Ở đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được bốn chân lý cao thượng, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các người đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Bốn điều ấy là gì? Nay các Tỳ-khuru, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được bốn chân lý cao thượng của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các người đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. ... (nt)... Chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ, ... (nt)... Chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ, ... (nt)... Chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đến sự chấm dứt của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các người đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Nay các Tỳ-khuru, chân lý cao thượng của khổ này đây đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đến sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt, [thì] nỗi khao khát về sự tái sanh đã được cắt đứt, lối đưa đến sự tái sanh đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

44. “Do không nhìn thấy đúng theo bản thể của bốn chân lý cao thượng, nên bị luân hồi dài thăm thẳm trong những lần tái sanh kiếp này kiếp khác.

45. Khi những điều này đây đã được nhìn thấy thì lối dẫn đi tái sanh không còn, nguồn sanh khổ đã đoạn, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

46. Nàng kỹ nữ Ambapālī đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma.” Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho thặng [ngựa vào] những

cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, nàng đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi nàng đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khuru nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của con.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

47. Các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Kotigāma.” Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe vô cùng lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu xanh, có vẽ bên ngoài màu xanh, y phục màu xanh, đồ trang sức màu xanh. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu vàng, có vẽ bên ngoài màu vàng, y phục màu vàng, đồ trang sức màu vàng. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu đỏ, có vẽ bên ngoài màu đỏ, y phục màu đỏ, đồ trang sức màu đỏ. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu trắng, có vẽ bên ngoài màu trắng, y phục màu trắng, đồ trang sức màu trắng.

48. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī di chuyển đổi đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói với nàng kỹ nữ Ambapālī điều này:

– Này nàng Ambapālī, vì sao nàng lại di chuyển đổi đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi của chúng tôi vậy?

– Này các cậu công tử, chính là vì tôi đã thỉnh mời được hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.

– Này nàng Ambapālī, hãy nhường lại cho chúng tôi bữa thọ trai ấy với giá một trăm ngàn.

– Này các cậu công tử, cho dù các cậu chịu nhường lại thành Vesālī luôn cả dân cư cho tôi, tôi cũng không chịu nhường lại bữa thọ trai.

49. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: “Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!”

50. Sau đó, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị dòng dõi Licchavi ấy từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các vị Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, chư thiên ở cõi Tāvātimsa chưa được các Tỳ-khuru nhìn thấy trước đây. Nay các Tỳ-khuru, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Nay các Tỳ-khuru, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Nay các Tỳ-khuru, hãy so sánh tập thể các vị dòng dõi Licchavi với tập thể chư thiên cõi Tāvātimsa.

51. Khi ấy, sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi họ đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các vị dòng dõi Licchavi ấy bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói đã với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khuru nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của chúng tôi.

– Nay các vị Licchavi, Ta đã nhận lời nàng kỹ nữ Ambapālī về bữa thọ trai vào ngày mai rồi.

Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: “Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!” Sau đó, khi đã được hoan hỷ và thỏa mãn với lời nói của đức Thế Tôn, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

52. Sau đó, khi đã ngự tại Koṭigāma như ý thích, đức Thế Tôn đã đi đến Nātikā. Tại nơi ấy, ở Nātikā, đức Thế Tôn ngự tại Giṇṇakāvasatha (căn nhà bằng gạch). Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm trong khu vườn của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ dâng cúng vật thực của nàng kỹ nữ Ambapālī, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

53. Sau đó, nàng kỹ nữ Ambapālī đã tự tay làm hải lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, nàng đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con xin dâng khu vườn Ambavana (vườn xoài) này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận khu vườn.

54. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Mahāvana. Tại nơi ấy, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

Tụng phẩm Licchavi là thứ ba.

1. Vào lúc bấy giờ, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức.

2. Vào lúc bấy giờ, Tướng quân Sīha là đệ tử của Nigantha đã ngồi xuống ở tập thể ấy. Khi ấy, Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: “Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức như thế; có lẽ ta nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?”

3. Sau đó, Tướng quân Sīha đã đi đến gặp Nigantha Nātaputta,⁸ sau khi đến đã đánh lễ Nigantha Nātaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với Nigantha Nātaputta điều này:

– Thưa ngài, tôi muốn đi đến để diện kiến Sa-môn Gotama.

– Này Sīha, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này Sīha, chính Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.

Khi ấy, ước muốn đi đến để diện kiến đức Thế Tôn của Tướng quân Sīha đã được lắng dịu đi.

4. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức. Đến lần thứ ba Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: “Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương

⁸ Một trong 6 vị đứng đầu 6 nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

thức như thế. Những người Nigantha dầu có được hỏi ý kiến hay không được hỏi ý kiến thì sẽ làm được điều gì đối với ta? Có lẽ ta không cần hỏi ý kiến các Nigantha và nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?”

5. Sau đó, vào lúc xế trưa, Tướng quân Sīha cùng với năm trăm cỗ xe đã rời thành Vesālī để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, Tướng quân Sīha đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tôi được nghe rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.” Bạch Ngài, những người nào đã nói như vậy: “Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”, bạch Ngài, phải chăng những người ấy nói đúng về đức Thế Tôn, không gièm pha đức Thế Tôn với sự sai trái và tuyên bố về pháp phù hợp với pháp [của Ngài] không? Và phải chăng bất cứ người nào sống theo pháp có lời nói hợp với giáo lý đều không phải là đối tượng để chê bai? Bạch Ngài, chúng tôi thật tình không có ý lên án đức Thế Tôn.

6. – Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

7. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

8. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

9. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

10. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

11. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

12. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

13. Nay Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

14. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, bởi vì Ta giảng về không hành động của thân làm ác, của miệng nói ác, của ý nghĩ ác; Ta giảng về không hành động của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

15. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, bởi vì Ta giảng về hành động của thân làm thiện, của miệng nói thiện, của ý nghĩ thiện; Ta giảng về hành động của các thiện pháp dưới nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

16. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, bởi vì Ta giảng về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân, của si; Ta giảng về sự đoạn diệt của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

17. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, bởi vì Ta ghê tởm với việc làm ác của thân, với lời nói ác của miệng, với suy nghĩ ác của ý; Ta giảng pháp về điều ghê tởm trong sự tạo thành các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

18. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, bởi vì

Ta giảng pháp về sự cách ly đối với luyến ái, đối với sân, đối với si; Ta giảng pháp về sự cách ly đối với các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

19. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, Ta giảng về các pháp ác và bất thiện là việc làm ác của thân, lời nói ác của miệng, suy nghĩ ác của ý cần được thiêu đốt. Nay Sīha, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là “người thiêu đốt.” Nay Sīha, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

20. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là “người thoát khỏi bào thai.” Nay Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự hiện hữu lần nữa và là sự tái sanh đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

21. Nay Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy”? Nay Sīha, bởi vì Ta là người tự tin, Ta giảng về sự tự tin với sự tự tin tối thượng và huấn luyện các đệ tử với điều ấy. Nay Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: “Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.”

22. Khi được nói như thế, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng”; tương tự như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

23. – Nay Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.

– Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi; bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vậy: “Nay Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.” Bạch Ngài, bởi vì các ngoại đạo sau khi thân nhận con làm đệ tử có thể vác cờ đi khắp cả Vesālī [rêu rao] rằng: “Tướng quân Sīha đã trở thành đệ tử của chúng tôi!” thế mà đức Thế Tôn đã nói với con như vậy: “Nay Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.” Bạch Ngài, lần thứ nhì con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

24. – Nay Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigantha, vì thế đối với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.

– Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vậy: “Nay Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigantha, vì thế đối với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.”

25. Bạch Ngài, con đã được nghe điều này, Sa-môn Gotama đã nói như vậy: “Vật bố thí chỉ nên dâng đến Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến những người khác. Vật bố thí chỉ nên dâng đến các đệ tử của Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến các đệ tử của những người khác. Đã dâng đến riêng Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến những người khác thì không có quả báo lớn. Đã dâng đến các đệ tử của Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến các đệ tử của những người khác thì không có quả báo lớn”, thế mà đức Thế Tôn lại khuyến khích con việc bố thí cho những người Nigantha. Bạch Ngài, tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng con sẽ biết thời điểm. Bạch Ngài, lần thứ ba con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

26. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Tướng quân Sīha. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Tướng quân Sīha có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Tướng quân Sīha: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

27. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Tướng quân Sīha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

28. Sau đó, Tướng quân Sīha đã ra lệnh cho người đàn ông nọ rằng:

– Này người, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tướng quân Sīha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của Tướng quân Sīha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người Nigantha, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], hươ tay kêu gào rằng: “Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên đới.”

30. Sau đó, có người đàn ông nọ đã đi đến gặp Tướng quân Sīha, sau khi đến đã thì thầm vào tai của Tướng quân Sīha rằng:

– Thưa Tướng quân, ngài có biết không? Những người Nigantha ấy, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], hươ tay kêu gào rằng: “Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và đã làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn

thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên đới.”

31. – Ông bạn ơi, thôi đi! Đã từ lâu nay, các ngài Đại đức ấy có ý muốn phỉ báng đức Phật, có ý muốn phỉ báng Giáo pháp, có ý muốn phỉ báng Hội chúng. Nhưng các ngài Đại đức ấy không lường sức, phí công, láo khoét, trong khi vu khống với điều không thật mà vẫn không làm tổn hại được đức Thế Tôn ấy. Và chúng tôi, cho dầu vì lý do sống còn, cũng không có ý tước đoạt mạng sống của chúng sanh.

32. Sau đó, Tướng quân Sīha đã tự tay làm hải lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên. Khi Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Tướng quân Sīha bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

33. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, trong khi biết thịt được làm [giết] có liên quan [đến bản thân] thì không nên thọ dụng; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép [thọ dụng] cá và thịt có được ba điều tuyệt đối thanh tịnh: Không được thấy, không được nghe, không nghi ngờ.⁹

34. Vào lúc bảy giờ, thành Vesālī có sự sung túc về vật thực, các vụ mùa tốt đẹp, vật thực kiếm được dễ dàng, sự sinh sống được dễ dàng bằng sự mót nhặt hoặc sự tốt bụng [của người khác].

35. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khuru trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khuru vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?”

36. Sau đó, vào lúc chiều tối, khi xuất khỏi thiền tịnh, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Nay Ānanda, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khuru trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên,

⁹ Nếu cá và thú ấy bị giết với sự xác định là sẽ làm thức ăn cho một cá nhân nào đó thọ dụng thì cá nhân người ấy không nên ăn (ND).

đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khuru vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?

– Bạch đức Thế Tôn, các vị vẫn thọ dụng.

37. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khuru trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhật lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, kể từ hôm nay Ta hủy bỏ những điều ấy. Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhật lên; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkata*. Nay các Tỳ-khuru, không nên thọ dụng [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.

38. Vào lúc bảy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chắt lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi đánh xe quay thành vòng tròn ở phía bên ngoài cổng lớn của tu viện và chờ đợi [nghĩ rằng]: “Khi nào chúng tôi nhận được phiên, chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn.” Và có đám mây đen lớn kéo đến.

39. Khi ấy, những người ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng đã được chắt trong các xe hàng và chúng đang còn đó. Giờ có đám mây đen lớn kéo đến. Thưa ngài Ānanda, vậy chúng tôi nên thực hành như thế nào?

40. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Ānanda, như thế thì hội chúng hãy chỉ định trú xá ở ven rào là khu vực làm thành được phép; hãy tích trữ vật mà hội chúng mong muốn ở nơi ấy, [có thể] là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và nay các Tỳ-khuru, nên được chỉ định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vậy] là khu vực làm thành được phép. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vậy] là khu vực làm thành được phép. Đại đức nào đồng ý việc chỉ

định trú xá tên [như vậy] là khu vực làm thành được phép xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên [như vậy] đã được hội chúng chỉ định là khu vực làm thành được phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

41. Vào lúc bảy giờ, ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép, dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chế những thanh củi.

42. Sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đã nghe tiếng ồn ào, tiếng âm ỉ, tiếng kêu của những con quạ, sau khi nghe đã hỏi Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng ồn ào, tiếng âm ỉ ấy, tiếng kêu của những con quạ là gì vậy?

– Bạch Ngài, hiện nay dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chế những thanh củi ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép; bạch Thế Tôn, đó chính là tiếng ồn ào, tiếng âm ỉ, tiếng kêu của những con quạ.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, không nên sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkata*. Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép ba loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên và loại có liên quan gia chủ.

44. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Yasoja bị bệnh. Các dược phẩm thuộc về nhu cầu của vị ấy được mang đến. Các vị Tỳ-khuru đã tích trữ chúng ở bên ngoài [khuôn viên]. Các con thú hoang đã ăn đi. Những kẻ trộm đã lấy đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định. Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép bốn loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên, loại có liên quan đến gia chủ và loại đã được chỉ định.

Tụng phẩm Sīha là thứ tư.

1. Vào lúc bảy giờ, gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi, vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thốc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

2. Người vợ có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *ālḥaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

3. Cậu con trai có năng lực thần thông như vậy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền].

4. Cô con dâu có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

5. Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện.

6. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: “Nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gọi rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thốc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *ālḥaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết. Cậu con trai có năng lực thần thông như vậy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền]. Cô con dâu có năng lực thần thông như vậy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện.”

7. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gọi rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thốc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ ...(nt)... Cậu con trai ...(nt)... Cô con dâu ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi! Hãy biết rằng đích thân trẫm xem xét như thế nào thì người sẽ xem xét như thế ấy!

8. – Tâu Đại vương, xin tuân lệnh!

Rồi viên quan đại thần ấy nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã khởi hành đi thành phố Bhaddiya, tuân tự đã đến thành phố Bhaddiya gặp gia chủ Menḍaka, sau khi đến đã nói với gia chủ Menḍaka điều này:

– Nay gia chủ, chính ta đã được đức vua ra lệnh rằng: “Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Menḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vậy: Sau khi gọi rửa đầu và bảo người quét kho lúa, rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vậy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi và tìm hiểu. Đích thân trầm xem xét như thế nào thì người sẽ xem xét như thế ấy.” Nay gia chủ, hãy cho chúng ta nhìn thấy năng lực thần thông của người.

9. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã gọi rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

10. – Nay gia chủ, năng lực thần thông của người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của vợ người.

Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho người vợ rằng:

– Như vậy thì nàng hãy phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *ālḥaka* và có một phân súp, người vợ của gia chủ Menḍaka đã phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

11. – Nay gia chủ, năng lực thần thông của vợ người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con trai người.

Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho người con trai rằng:

– Như vậy thì con hãy trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.

Khi ấy, sau khi cầm một cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, người con trai của gia chủ Menḍaka đã trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền].

12. – Nay gia chủ, năng lực thần thông của con trai người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con dâu người.

Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho người con dâu rằng:

– Như vậy thì con hãy cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng đi.

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, người con dâu của gia chủ Menḍaka, nàng đã cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

13. – Nay gia chủ, năng lực thần thông của con dâu người đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của người tứ trai của người.

– Thưa ngài, năng lực thần thông của người tứ trai của tôi sẽ được nhìn thấy ở ngoài ruộng.

– Nay gia chủ, thôi đi. Năng lực thần thông của người tứ trai của người cũng đã được nhìn thấy rồi.

14. Sau đó, viên quan đại thần ấy cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã quay trở về lại thành Rājagaha, rồi đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

15. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Bhaddiya cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

16. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddiya. Tại nơi đó ở Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā.

17. Gia chủ Menḍaka đã nghe rằng: “Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại khu rừng Jātiyā. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vậy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy.”

18. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi Bhaddiya với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn.

19. Nhiều du sĩ ngoại đạo đã nhìn thấy gia chủ Menḍaka từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với gia chủ Menḍaka điều này:

– Nay gia chủ, người đi đâu vậy?

– Thưa các ngài, tôi đi để diện kiến đức Thế Tôn là Sa-môn Gotama.

– Nay gia chủ, người là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Nay gia chủ, chính

Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.

20. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã khởi ý điều này: “Theo như cách những người du sĩ ngoại đạo này ganh tị thì quả nhiên không còn nghi ngờ về đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.” Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, gia chủ Menḍaka đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Menḍaka đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Menḍaka. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

21. Khi đức Thế Tôn biết được gia chủ Menḍaka có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Menḍaka: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

22. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng”; tương tự như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kẻ từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Menḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

23. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Menḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

24. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của gia chủ Menḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

25. Sau đó, người vợ của gia chủ Menḍaka cùng với con trai, con dâu và người tớ trai đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

26. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

27. Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng”; tương tự như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

28. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã tự tay làm hải lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Menḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con xin dâng vật thực thường xuyên đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho đến khi nào đức Thế Tôn còn ngụ tại Bhaddiya.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Menḍaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

29. Sau đó, khi đã ngụ tại Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn không thông báo cho gia chủ Menḍaka rồi đã ra đi, du hành về phía Āṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

30. Gia chủ Menḍaka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đang đi du hành về phía Āṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.”

31. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho những người nô lệ và những người làm công rằng:

– Này các người, như thế thì hãy chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi hãy đi đến. Và một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò hãy lấy ra một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái rồi hãy đi đến. Nơi nào chúng ta gặp được đức Thế Tôn, chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [Ngài] thọ dụng.

32. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã gặp được đức Thế Tôn ở khu rừng vắng trên đường đi. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Menḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh rồi ra đi.

33. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Menḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng, loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

34. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ cúng dường thức ăn của gia chủ Menḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

35. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã ra lệnh cho một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò rằng:

– Này các người, như vậy thì hãy dắt mỗi một con bò cái đến đứng gần mỗi một vị Tỳ-khuru. Chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [các vị] thọ dụng.

36. Khi ấy, gia chủ Menḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh sữa.

– Này các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

37. Sau đó, gia chủ Menḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Menḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Menḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép vật thực đi đường đến các vị Tỳ-khuru.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Menḍaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

38. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép năm sản phẩm từ bò là sữa tươi, sữa đông, sữa bơ, bơ đặc, bơ lỏng. Này các Tỳ-khuru, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép tầm cầu vật thực đi đường là gạo lức với vị có nhu cầu về gạo lức, đậu mugga với vị có nhu cầu về đậu mugga, đậu māsā với vị có nhu cầu về đậu māsā, muối với vị có nhu cầu về muối, đường với vị có nhu cầu về đường, dầu ăn với vị có nhu cầu về dầu ăn, bơ lỏng với vị có nhu cầu về bơ lỏng. Này các Tỳ-khuru, có những người dân có niềm tin, mộ đạo, những người này đề tiền vàng ở tay của người làm thành được phép [nói rằng]: “Hãy dâng đến ngài Đại đức vật đã làm trở thành được phép từ vật này.” Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép chấp nhận vật đã làm trở thành được phép từ điều ấy, nhưng này các Tỳ-khuru, Ta không nói rằng: “Vàng và bạc có thể được chấp nhận, có thể được tầm cầu bởi bất cứ cách thức nào.”

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Āpaṇa. Đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nghe rằng: “Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại Āpaṇa. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vậy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. ...(nt)... Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy.”

40. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: “Ta nên cho người đem đến cho Sa-môn Gotama vật gì đây?” Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: “Những người ẩn sĩ trước đây là Bà-la-môn, là những người làm ra chú thuật, là những người sử dụng chú thuật, những người ấy có hình thức chú thuật cổ điển đã được đọc tụng, đã được nói ra, đã được thực hiện mà những người Bà-la-môn hiện nay cũng đọc tụng theo hình thức ấy, nói ra theo hình thức ấy, giảng giải theo điều đã được giảng giải, nói lại điều đã được nói, [các vị ấy] như là Aṭṭaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu đã không ăn vào buổi tối, đã kiêng cử việc ăn phi thời, các vị ấy chấp nhận các thức uống như thế này. Sa-môn Gotama cũng không ăn vào buổi tối và kiêng cử việc ăn phi thời nên Sa-môn Gotama cũng xứng đáng được chấp nhận các thức uống như thế này”

nên đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều thức uống và cho người đem đi bằng những giỏ mang sau vai, rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Xin Ngài Gotama hãy thọ lãnh thức uống của tôi.
 - Này Keniya, như vậy thì hãy dâng cho các Tỳ-khuru.
- Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh.
- Này các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

41. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keniya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với nhiều loại thức uống. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đạo sĩ bện tóc Keniya bằng bài pháp thoại.

42. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

– Này Keniya, hội chúng Tỳ-khuru rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru và người đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.

Đến lần thứ nhì, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, dầu cho hội chúng Tỳ-khuru rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

– Này Keniya, hội chúng Tỳ-khuru rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru và người đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.

Đến lần thứ ba, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, dầu cho hội chúng Tỳ-khuru rất đông có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keniya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép tám loại thức uống: Nước xoài, nước mật, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen,

nước dâu. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt trái cây, ngoại trừ nước cốt của ngũ cốc. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của lá cây, ngoại trừ nước cốt của rau cải nấu chín. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của bông hoa, ngoại trừ nước cốt của bông cây cam thảo. Nay các Tỳ-khuru, Ta cho phép nước cốt của cây mía.

44. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Keniya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm tại khu ăn cư của mình, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến khu ăn cư của đạo sĩ bện tóc Keniya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khuru.

45. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keniya đã tự tay làm hải lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keniya đang ngồi một bên bằng những lời kệ này:

(i) “Các việc cúng tế có sự cúng dường lửa là đứng đầu, kinh cô Sāvittī là đứng đầu về niêm luật, đức vua là đứng đầu loài người, biển cả đứng đầu các con sông.

(ii) Mặt trăng đứng đầu các vì sao, mặt trời đứng đầu các vật tỏa sáng. Đối với những người mong mỏi phước đang cúng dường thì hội chúng là đứng đầu.”

46. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keniya bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại Āpaṇa theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru.

47. Những người dân Malla ở Kusinārā đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru.” Họ đã ra quy định là “ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền].”

48. Vào lúc bảy giờ, Roja, người Malla là bạn của Đại đức Ānanda. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kusinārā. Khi ấy, những người dân Malla ở Kusinārā đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

49. Sau đó, khi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, Roja, người Malla đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi Roja, người Malla đã đứng một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Roja, người Malla điều này:

– Nay bạn Roja, thật là tuyệt vời khi bạn đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

– Thưa ngài Ānanda, tôi không có nhiều niềm tin đối với đức Phật, Giáo pháp hay Hội chúng. Chỉ vì thân quyến đã ra quy định là “ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền].” Thưa ngài Ānanda, chính vì nỗi lo sợ về hình phạt của thân quyến nên tôi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

50. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã không được hoan hỷ [nghĩ rằng]: “Vì sao Roja, người Malla lại nói như thế?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, Roja này người Malla được nổi tiếng, là người có danh tiếng. Những người có danh tiếng như thế nếu có được niềm tin trong Pháp và Luật này sẽ có sự thuận lợi lớn. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy làm như thế nào đó để Roja, người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.

– Này Ānanda, điều ấy không phải là việc khó làm đối với đức Như Lai, như là việc Roja, người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.

51. Sau đó, đức Thế Tôn đã phát ra luồng tâm bác ái đến Roja, người Malla rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào trú xá. Khi ấy, bị xúc chạm bởi luồng tâm bác ái của đức Thế Tôn, cũng giống như con bê con [đi tìm] bò mẹ; tương tự như thế, Roja, người Malla đi đến trú xá này đến trú xá khác, phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỷ-khưu rằng:

– Thưa ngài, bây giờ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đang ngụ ở đâu vậy, bởi vì chúng tôi có ý muốn diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đẳng Chánh Đẳng Giác ấy?

– Này đạo hữu Roja, là trú xá có cánh cửa đóng lại kia. Hãy đi đến với sự nhẹ nhàng và chớ có vượt qua [cánh cửa], hãy bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa, rồi đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đạo hữu.

52. Sau đó, Roja, người Malla đã đi đến trú xá có cánh cửa đóng lại kia với sự nhẹ nhàng, không có vượt qua [cánh cửa], rồi bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa. Đức Thế Tôn đã mở cánh cửa ra. Khi ấy, Roja, người Malla đã bước vào trú xá, đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Roja, người Malla. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

53. Khi đức Thế Tôn biết được Roja, người Malla có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khô, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn

ven; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Roja, người Malla: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

54. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Roja, người Malla đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay nếu các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình con thôi, không phải của người khác.

– Nay Roja, nếu những người đã thấy được pháp với trí tuệ của vị Hữu học, với tầm nhìn của vị Hữu học như là người đây thì những người ấy cũng khởi ý như vậy: “Đương nhiên, các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình chúng ta thôi, không phải của người khác.” Nay Roja, chính vì điều ấy các vị [Tỳ-khuru] sẽ thọ lãnh của chính người và của những người khác nữa.

55. Vào lúc bấy giờ, ở Kusinārā, sự dâng vật thực theo tuần tự của các bữa ăn hảo hạng đã được xác lập. Khi ấy, Roja, người Malla đã không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?” Sau đó, Roja, người Malla trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Khi ấy, Roja, người Malla đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, trong khi tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?” Thưa ngài Ānanda, rồi trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng rau xanh và bánh bột, đức Thế Tôn có thể nhận lãnh của tôi không?

– Nay Roja, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

56. Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay Ānanda, như thế thì [Roja] hãy chuẩn bị sẵn sàng.

– Nay Roja, như thế thì bạn hãy chuẩn bị sẵn sàng.

57. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Roja, người Malla đã cho chuẩn bị sẵn sàng rau cải và bánh bột, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn.

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhận lãnh rau cải và bánh bột.

– Nay Roja, như vậy thì hãy dâng cho các vị Tỳ-khuru.

Các vị Tỳ-khuru trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh.

– Nay các Tỳ-khuru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

58. Sau đó, Roja, người Malla đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khuru có đức Phật đứng đầu với nhiều rau cải và bánh bột. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên. Khi Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Roja, người Malla bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

59. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép tất cả các loại rau xanh và tất cả các loại bánh bột.

60. Sau đó, khi đã ngự tại Kusinārā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru.

61. Vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc tuổi già nọ, trước đây là thợ cạo, ngụ tại Ātumā. Vị ấy có hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan, khéo léo, thiện nghệ trong nghề thợ cạo từ thầy của họ. Vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru.”

62. Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nói với hai người con trai ấy rằng:

– Này hai con thương, nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khuru gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khuru. Này hai con thương, hai con hãy đi và mang theo thùng dao cạo, hãy viếng từng nhà với thùng và bao bị, hãy gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng; chúng ta sẽ thực hiện việc dâng cúng cháo đến đức Thế Tôn khi Ngài đi đến.

– Thưa cha, xin vâng.

Rồi hai người con trai ấy nghe theo vị xuất gia lúc tuổi già ấy, mang theo thùng dao cạo đi viếng từng nhà với thùng và bao bị trong lúc gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan ấy, đều không có ý muốn thuê làm cũng bảo chúng làm và sau khi bảo chúng làm, lại còn thưởng rất nhiều. Khi ấy, hai người con trai ấy đã gom góp nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng.

63. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Ātumā. Tại nơi ấy, ở Ātumā, đức Thế Tôn ngự tại Bhusāgāra.

64. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng rất nhiều cháo, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn.

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh cháo của con.

65. Các đấng Như Lai đều biết vẫn hỏi, đều biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến

lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khuru vì hai lý do: “Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp, hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

66. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị xuất gia lúc tuổi già ấy điều này:

– Này Tỳ-khuru, cháo này từ đâu vậy?

Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rò dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rò dại, vì sao ngươi lại bảo các vị xuất gia làm việc không được phép? Này kẻ rò dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Này các Tỳ-khuru, không nên bảo các vị xuất gia làm việc không được phép; vị nào bảo làm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khuru, vị trước đây là thợ cạo không nên mang theo thùng dao cạo; vị nào mang theo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

67. Sau đó, khi đã ngự tại Ātumā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

68. Vào lúc bảy giờ, ở trong thành Sāvatthi, nhiều loại vật thực cứng là trái cây được phát sanh. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru đã khởi ý điều này: “Loại vật thực cứng là trái cây nào được cho phép, loại nào không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép tất cả các loại vật thực cứng là trái cây.

69. Vào lúc bảy giờ, các hạt giống của hội chúng được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, các hạt giống của các cá nhân được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, các hạt giống của hội chúng đã được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phân chia. Các hạt giống của các cá nhân đã được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phân chia.

70. Vào lúc bảy giờ, các vị Tỳ-khuru khởi lên sự phân vân về vấn đề này, về vấn đề nọ: “Điều nào đã được đức Thế Tôn cho phép, điều nào đã không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khuru, điều nào Ta chưa cấm rằng: “Điều này không được phép” và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khuru, điều nào Ta chưa cấm rằng: “Điều này không được phép” và điều ấy phù hợp

với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các người, điều ấy là được phép. Nay các Tỳ-khuru, điều nào Ta chưa cho phép rằng: “Điều này được phép” và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các người, điều ấy là không được phép. Nay các Tỳ-khuru, điều nào Ta chưa cho phép rằng: “Điều này được phép” và điều ấy phù hợp với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các người, điều ấy là được phép.

71. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru đã khởi ý điều này: “Vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngày là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngày là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngày là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày là được phép hay là không được phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Nay các Tỳ-khuru, vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Nay các Tỳ-khuru, vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong bảy ngày, không được phép khi bảy ngày đã trôi qua.

Dứt chương “Dược phẩm” là thứ sáu.

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vào mùa thu, vào lúc phi thời nữa, mỡ thú vật, các loại rễ cây, với các loại bột nghiền, các loại nước sắc, lá cây, trái cây, nhựa cây và muối gồm sáu loại.
2. Bột tắm, cái rây bột và thịt sống, thuốc bôi, bột nghiền nát, hộp thuốc bôi đặc biệt, không được đập lại, que bôi thuốc, hộp đựng que bôi thuốc.

3. Túi đựng, có dây mang vai, sợi chỉ, dầu xoa ở đầu và lỗ mũi, cái muống đặt ở mũi và ống dẫn khói, nắp đậy, túi kép.

4. Và rượu trong các loại dầu nấu, được thêm vào quá nhiều, thuốc thoa, bình chứa, hơi nóng và của nhiều loại lá cây, nhiều hơi nóng và nước nấu của nhiều loại lá cây là tương tự.

5. Bể nước ngâm và trích máu, ống sừng, thuốc cao bôi chân, sự phòng ngừa, dao mổ và nước làm đông máu, cao hạt mè, vải cầm máu.

6. Vải băng vết thương và bột mù-tạt, việc xông khói, mảnh sứ, dầu xức vết thương, băng vải, vật dơ và việc thọ lãnh.

7. [Uống] phân, trong lúc làm và đất ở lưỡi cày, nước tro, [hợp chất] nước tiểu và trái hariṭakī, [mỡ có] mùi thơm và luôn cả thuốc xổ, nước súp không chất béo, thêm chút ít chất béo.

8. Nước luộc thịt, hang núi, tu viện, năm trăm người, đường, đậu mugga và cháo chua, tự mình nấu, nấu lại.

9. Ngài đã cho phép lần nữa, vào lúc khó khăn về vật thực và trái cây, mè và vật nhai, trước bữa ăn, bệnh sốt toàn thân và được lấy hết hột, bệnh lở loét.

10. Và công việc bơm thụt, nàng Suppiyā, lại thêm chuyện thịt người, voi, ngựa và chó nhà, rắn, sư tử và beo.

11. Và thịt gấu rừng, chó sói, chồn đến phiên và cháo, [đức tin] còn non trẻ, thêm chuyện nữa về đường, vị quan Sunīdha, nhà nghỉ trọ.

12. Sông Gaṅgā, làng Koṭi, sự thuyết giảng về chân lý, nàng Ambapālī và các vị Licchavi, đã được làm có liên quan [đến người thọ dụng], lúc vật thực dễ dàng, Ngài cũng đã ngăn cấm lại.

13. Đám mây đen, vị Yasoja và Meṇḍaka, sản phẩm từ loài bò và vật thực đi đường, đạo sĩ Keṇiya, nước xoài, nước mặn, chuối có hột, không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen.

14. Nước đậu, rau xanh và bánh bột, người thợ cạo ở Ātumā, ở Sāvatthi, trái cây, hột giồng, thuộc về trường hợp nào và [vật thực] liên quan đến thời gian.